

Số: 7461/2026/BC-LPBank.FMS

Ninh Bình, ngày 01 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO**Kết quả đợt chào bán trái phiếu ra công chúng**

(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 01/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/01/2026)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ):** NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN LỘC PHÁT VIỆT NAM ("Tổ Chức Phát Hành")
- Tên viết tắt:** LPBank
- Địa chỉ trụ sở chính:** Số 8, ngõ 1, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại:** (84 24) 62 668 668
Fax: (84 24) 62 669 669
Website: www.lpbank.com.vn
- Vốn điều lệ:** 29.872.821.000.000 VND
- Mã cổ phiếu:** LPB
- Nơi mở tài khoản thanh toán:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Sở Giao dịch
Số hiệu tài khoản: 120111 (Mã Citad: 01357001)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:** Số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 29/12/2023 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 6403000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008)
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động ngân hàng thương mại, hoạt động ngân hàng bán lẻ. Mã ngành: 64
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
 - + Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, tín dụng, dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
 - + Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng các nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ
- Giấy phép thành lập và hoạt động:** Số 91/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 28/03/2008 ("Giấy phép 91"); Quyết định số 423/QĐ-TTGSNH2 do NHNN cấp ngày 15/07/2024; Quyết định số 125/QĐ-NHNN do NHNN cấp ngày 21/01/2025; Quyết định số 292/QĐ-NHNN do NHNN cấp ngày 02/03/2026 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép 91.



II. Phương án chào bán Đợt 1

1. **Tên Trái Phiếu:** Trái phiếu phát hành ra công chúng LPBank năm 2025 (“**Trái Phiếu**”)
2. **Loại Trái Phiếu:** Trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành
3. **Mã Trái Phiếu:**
 - Trái Phiếu LPB7Y202501
 - Trái Phiếu LPB8Y202502
 - Trái Phiếu LPB10Y202503
4. **Mệnh giá Trái Phiếu:** 100.000 VND/Trái Phiếu (một trăm nghìn Đồng một Trái Phiếu)
5. **Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán:** 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu, trong đó:
 - Trái Phiếu LPB7Y202501: 9.000.000 (chín triệu) Trái Phiếu
 - Trái Phiếu LPB8Y202502: 15.000.000 (mười lăm triệu) Trái Phiếu
 - Trái Phiếu LPB10Y202503: 1.000.000 (một triệu) Trái Phiếu
6. **Tổng giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá:** 2.500.000.000.000 VND (hai nghìn năm trăm tỷ Đồng), trong đó:
 - Trái Phiếu LPB7Y202501: 900.000.000.000 VND (chín trăm tỷ Đồng)
 - Trái Phiếu LPB8Y202502: 1.500.000.000.000 VND (một nghìn năm trăm tỷ Đồng)
 - Trái Phiếu LPB10Y202503: 100.000.000.000 VND (một trăm tỷ Đồng)
7. **Giá chào bán:** 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu
8. **Lãi suất:** Trái Phiếu có lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức sau:
 - Trái Phiếu LPB7Y202501: Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,5%/năm (hai phẩy năm phần trăm một năm)
 - Trái Phiếu LPB8Y202502: Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,7%/năm (hai phẩy bảy phần trăm một năm)
 - Trái Phiếu LPB10Y202503: Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,9%/năm (hai phẩy chín phần trăm một năm)

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng, trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử (website) chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại Ngày Xác Định Lãi Suất

Ngày Xác Định Lãi Suất: Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu của Đợt 1. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi

Kỳ Tính Lãi có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành hoặc từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi liền trước cho đến nhưng không bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng của Kỳ Tính Lãi đó
9. **Kỳ hạn Trái Phiếu:**
 - Trái Phiếu LPB7Y202501: Kỳ hạn 07 (bảy) năm

- Trái Phiếu LPB8Y202502: Kỳ hạn 08 (tám) năm
- Trái Phiếu LPB10Y202503: Kỳ hạn 10 (mười) năm

- 10. Kỳ trả lãi:** Lãi được thanh toán sau, định kỳ hàng năm vào ngày tròn 01 (một) năm kể từ Ngày Phát Hành
- 11. Phương thức phân phối:** Bán trực tiếp cho các Nhà Đầu Tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Tổ Chức Phát Hành và phân phối thông qua Đại Lý Phát Hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank
- 12. Thời gian nhận đăng ký mua và nhận tiền mua Trái Phiếu:** Từ ngày 02/03/2026 đến ngày 30/03/2026
- 13. Ngày kết thúc đợt chào bán:** 30/03/2026
- 14. Ngày dự kiến chuyên giao Trái Phiếu:** Trong vòng 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Nhà Đầu Tư sẽ nhận được bản gốc Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc bản gốc trích lục Sổ Đăng Ký (nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu), trừ trường hợp Nhà Đầu Tư đã ủy quyền cho Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục lưu ký tập trung.

III. Kết quả chào bán Trái Phiếu

Chi tiết tại Phụ lục của Báo cáo.

IV. Tổng hợp kết quả đợt chào bán Trái Phiếu

- Tổng số Trái Phiếu đã phân phối:** 10.165.885 (mười triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi lăm) Trái Phiếu, tương đương 40,66% tổng số Trái Phiếu chào bán
 - Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán:** 1.016.588.500.000 VND
 - Tổng chi phí:** 725.000.000 VND
 - Phí bảo lãnh phát hành: 0 VND
 - Phí đại lý phân phối trái phiếu: 0 VND
 - Phí dịch vụ tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng: 700.000.000 VND
 - Phí dịch vụ đại diện người sở hữu trái phiếu: 0 VND
 - Phí kiểm toán: 0 VND
 - Lệ phí Giấy đăng ký chào bán: 25.000.000 VND
 - Chi phí khác: 0 VND
 - Tổng thu ròng từ đợt chào bán:** 1.015.863.500.000 VND.
- V. Cơ cấu vốn của Tổ Chức Phát Hành sau đợt chào bán**

Đơn vị: triệu VND

| Chỉ tiêu | Trước đợt chào bán (tại ngày 28/02/2026) | Sau đợt chào bán (tại ngày 30/3/2026) |
|---|---|--|
| 1. Tổng nợ (*) | 516.757.642 | 526.150.453 |
| - Nợ ngắn hạn | 479.184.437 | 485.942.359 |
| - Nợ dài hạn | 9.728.822 | 11.347.122 |
| - Trái phiếu chưa đáo hạn | 27.844.383 | 28.860.972 |
| 2. Tổng vốn chủ sở hữu | 48.547.897 | 50.169.254 |
| 3. Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu (lần) | 10,64 | 10,49 |

(*) Chỉ tiêu tính theo đặc thù của hoạt động lĩnh vực ngân hàng.

VI. Tài liệu gửi kèm

Giấy xác nhận số dư tài khoản số 44/DDO.DVKH ngày 31/3/2026 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô, nơi LPBank mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán.

Nơi nhận:

- Như trên;
- NHBL, NHDN;
- Phòng ALM;
- Lưu: VT, TT&QTTC, giangpt5.

**NGÂN HÀNG TMCP LỘC PHÁT VIỆT NAM
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Quốc Khánh

PHỤ LỤC KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG LPBANK NĂM 2025 - ĐỢT 1

(đính kèm Báo cáo số 7461 /2026/BC-LPBank.FMS ngày 01 / 04 /2026 của Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam

| Đối tượng mua trái phiếu | Giá chào bán (đồng/ trái phiếu) | Số trái phiếu chào bán | Số trái phiếu đăng ký mua | Số trái phiếu được phân phối | Số nhà đầu tư đăng ký mua | Số nhà đầu tư được phân phối | Số nhà đầu tư không được phân phối | Số trái phiếu còn lại | Tỷ lệ trái phiếu được phân phối |
|--|---------------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=6-7 | 9=3-5 | 10=5/3 |
| Trái Phiếu LPB7Y202501 | | | | | | | | | |
| 1. Nhà đầu tư trong nước | 100.000 | 9.000.000 | 147.035 | 147.035 | 96 | 96 | 0 | 8.852.965 | 1,63% |
| - Tại Tổ Chức Phát Hành | 100.000 | 9.000.000 | 147.035 | 147.035 | 96 | 96 | 0 | 8.852.965 | 1,63% |
| - Tại Đại Lý Phát Hành | 100.000 | 9.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 9.000.000 | 0,00% |
| 2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 100.000 | 9.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 9.000.000 | 0,00% |
| - Tại Tổ Chức Phát Hành | 100.000 | 9.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 9.000.000 | 0,00% |
| - Tại Đại Lý Phát Hành | 100.000 | 9.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 9.000.000 | 0,00% |
| Tổng số | 100.000 | 9.000.000 | 147.035 | 147.035 | 96 | 96 | 0 | 8.852.965 | 1,63% |
| Trái Phiếu LPB8Y202502 | | | | | | | | | |
| 1. Nhà đầu tư trong nước | 100.000 | 15.000.000 | 10.017.850 | 10.017.850 | 5 | 5 | 0 | 4.982.150 | 66,79% |
| - Tại Tổ Chức Phát Hành | 100.000 | 15.000.000 | 10.017.850 | 10.017.850 | 5 | 5 | 0 | 4.982.150 | 66,79% |
| - Tại Đại Lý Phát Hành | 100.000 | 15.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 15.000.000 | 0,00% |
| 2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 100.000 | 15.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 15.000.000 | 0,00% |
| - Tại Tổ Chức Phát Hành | 100.000 | 15.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 15.000.000 | 0,00% |



Handwritten signature or mark in blue ink.

| | | | | | | | | | |
|--|----------------|-------------------|-------------------|-------------------|------------|------------|----------|-------------------|---------------|
| - Tại Đại Lý Phát Hành | 100.000 | 15.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 15.000.000 | 0,00% |
| Tổng số | 100.000 | 15.000.000 | 10.017.850 | 10.017.850 | 5 | 5 | 0 | 4.982.150 | 66,79% |
| Trái Phiếu LPB10Y202503 | | | | | | | | | |
| 1. Nhà đầu tư trong nước | 100.000 | 1.000.000 | 1.000 | 1.000 | 1 | 1 | 0 | 999.000 | 0,10% |
| - Tại Tổ Chức Phát Hành | 100.000 | 1.000.000 | 1.000 | 1.000 | 1 | 1 | 0 | 999.000 | 0,10% |
| - Tại Đại Lý Phát Hành | 100.000 | 1.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.000.000 | 0,00% |
| 2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 100.000 | 1.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.000.000 | 0,00% |
| - Tại Tổ Chức Phát Hành | 100.000 | 1.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.000.000 | 0,00% |
| - Tại Đại Lý Phát Hành | 100.000 | 1.000.000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1.000.000 | 0,00% |
| Tổng số | 100.000 | 1.000.000 | 1.000 | 1.000 | 1 | 1 | 0 | 999.000 | 0,10% |
| TỔNG CỘNG | | 25.000.000 | 10.165.885 | 10.165.885 | 102 | 102 | 0 | 14.834.115 | 40,66% |